

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 24/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Năm

2. Ông Hà Văn Dưa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2024;

Đối với bị cáo: **Lữ Văn T**, sinh năm 1989 tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ĐKKHKT: CL, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện nay: CL, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lữ Văn T, sinh năm 1967 (đã chết); con bà Lò Văn Q, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Vi Thị D, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; gia đình bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền sự: 01 tiền sự vì thực hiện hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bị Trưởng Công an xã TT xử phạt hành chính vào ngày 18/4/2023; Tiền án: Không; Nhân thân ngày 05/5/2022 bị Chủ tịch UBND xã TT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” .

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 22/9/2023 thì chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Sơn; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Khang – Trợ giúp viên, trợ giúp pháp lý Chi nhánh số 01 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 05 phút ngày 19 tháng 9 năm 2023, tổ công tác của Công an huyện Quan Sơn phối hợp với lực lượng Công an xã TT và Công an xã TL tiến hành tuần tra tại khu vực bản CL, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa thì thấy một đối tượng có nhiều biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính thì đối tượng ném từ trong tay xuống mặt đất ngay bên cạnh mình một gói ni lông màu vàng. Tổ công tác yêu cầu đối tượng nhặt lên để kiểm tra thì phát hiện bên trong túi ni lông màu vàng này đựng 08 (tám) viên dạng nén màu đỏ, một mặt ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng hợp. Qua đấu tranh thì đối tượng khai nhận tên mình là Lữ Văn T, sinh năm 1989, cư trú tại: Bản CL, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa và 08 viên dạng nén này là ma túy (gọi là hồng phiến) của T vừa ném xuống đất khi thấy lực lượng chức năng kiểm tra. Số ma túy này T mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực đường vành đai biên giới vào khoảng 4 đến 5 ngày trước và tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong toàn bộ vật phẩm đựng trong túi ni lông màu vàng vừa thu được theo đúng trình tự, thủ tục rồi chuyển vụ việc, tang vật và đối tượng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Quan Sơn tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Trên cơ sở của bản kết luận giám định kỹ thuật hình sự số: 3357/KL-KTHS ngày 22/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 08 (tám) viên nén hình tròn màu đỏ bề mặt mỗi viên có in chữ “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,817g (không phải tám một bảy gam) loại: Methamphetamine. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lữ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra, Lữ Văn T khai nhận quá trình thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như sau: vào khoảng 4 đến 5 ngày trước khi bị bắt, Lữ Văn T đi chăn bò tại khu vực đường vành đai biên giới thuộc địa phận xã TT thì gặp một người đàn ông người nước Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào mà T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ. Khi gặp T thì người đàn ông nước CHDCND Lào hỏi T có mua ma túy không, thì T bảo có. Sau khi trao đổi, T mua của người đàn ông nước Lào này 10 viên ma túy tổng hợp với giá 150.000 đồng. T sử dụng hết 02 viên còn lại 08 viên T gói lại trong một túi ni lông màu vàng, mang về nhà để sử dụng dần.

Ngày 19/9/2023, khi T đi lên rừng để săn bắt chim và mang theo gói ma túy để sử dụng thì thấy Tổ công tác của Công an huyện Quan Sơn đang tuần tra. Lo sợ bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên khi thấy Tổ công tác tiến lại gần mình thì T đã ném túi ni lông bên trong đựng 08 viên ma túy tổng hợp của mình xuống đất nhưng bị Tổ công tác phát hiện và yêu cầu T nhặt lên để kiểm tra. Sau khi kiểm tra Tổ công tác phát hiện có chất nghi là ma túy nên đấu tranh lấy lời khai ban đầu thì T khai nhận về hành vi tàng trữ trái phép 08 viên ma túy tổng hợp của mình.

Đối với người đàn ông Nước CHDCND Lào đã bán ma túy cho Th nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa đủ cơ sở xác định về đối tượng để xử lý trong vụ án này mà tiếp tục theo dõi, giải quyết trong vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSQS ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lữ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lữ Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để tuyên bố bị cáo Lữ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 22 tháng tù có thời hạn; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng vụ án sau giám định hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Về tài sản, đồ vật: Trong giai đoạn điều tra vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn trả lại cho chị Vi Thị D 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO màu nâu đỏ có số IMEI 1: 860062049614851, IMEI 2: 860062049614844, có số thuê bao kèm theo sim 1: 0347.092.912, sim 2: 0862.180.453 theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu số ngày 02/12/2023, nên không có các vấn đề về tranh chấp dân sự liên quan.

Về án phí, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật buộc bị cáo Lữ Văn T chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị xem xét giảm đến mức thấp nhất hình phạt dành cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lữ Văn T khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo không ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và các vấn đề khác. Nói lời nói sau cùng bị cáo Lữ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự tố tụng vụ án: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lữ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã khai tại cơ quan điều tra, Cụ thể bị cáo khai báo, bị cáo Lữ Văn T là đối tượng nghiện ma túy; để có ma túy sử dụng nên trước ngày bị bắt 19/9/2023 khoảng 4 đến 5 ngày, Lữ Văn T đã mua 10 (mười) viên ma túy tổng hợp của một người đàn ông nước CHDCND Lào tại khu vực đường vành đai biên giới thuộc địa phận xã TT, huyện Quan Sơn với giá 150.000 đồng. Sau khi mua xong, bị cáo T đã sử dụng 02 (hai), còn lại 08 (tám) viên bị cáo gói vào một túi ni lông màu vàng đem về nhà để sử dụng dần. Ngày 19/9/2023 khi bị cáo đi lên rừng và có đem theo gói ni lông màu vàng chứa ma túy thì bị Tổ công tác Công an huyện Quan Sơn phối hợp cùng Công an xã TT và Công an xã TL phát hiện bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Lữ Văn T khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 05 phút ngày 19 tháng 9 năm 2023; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 19 tháng 9 năm 2023 và Bản kết luận giám định kỹ thuật hình sự số: 3357/KL-KTHS ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 08 (tám) viên nén hình tròn màu đỏ bề mặt mỗi viên có in chữ “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,817g (không phẩy tám một bảy gam) loại: Methamphetamine.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ và lời khai trình của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lữ Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm được

quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo tàng trữ có tổng cộng khối lượng 0,817g (không phải tám mươi bảy gam) loại Methamphetamine; bị cáo đã phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm, là sự nghiêm khắc của pháp luật Nhà nước nhằm trừng phạt người phạm tội nói chung và đặc biệt tội phạm về ma túy đã và đang làm ảnh hưởng sâu đến mọi mặt đời sống xã hội, tội phạm ma túy làm reo rắc theo nhiều tệ nạn xã hội và làm phát sinh tội phạm nghiêm trọng khác gây hoang mang, lo lắng trong địa bàn dân cư, đe dọa đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về nhân thân: Bị cáo Lữ Văn T có nhân thân xấu, thể hiện vào ngày 26/4/2022 có hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” bị Chủ tịch UBND xã TT ra quyết định xử phạt số 48/QĐ ngày 05/5/2022 phạt tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ngoài ra, Lữ Văn T còn có 01 tiền sự: Ngày 18/4/2023 bị Trưởng Công an xã T T xử phạt 1.000.000đ (một triệu đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo không có tiền án; Tuy nhiên bị cáo Lữ Văn T có đủ năng lực hành vi dân sự nhận thức biết rõ tác hại của ma túy là loại hàng hóa Nhà nước nghiêm cấm vận chuyển, tàng trữ, sử dụng; bị cáo bất chấp sự lên án của xã hội và quy định của pháp luật đã tàng trữ ma túy để sử dụng thoả mãn cho nhu cầu bản thân; bị cáo là người có hiểu biết có con còn nhỏ đang ở độ tuổi ăn học song lại sống thiếu trách nhiệm với bản thân nên lại tiếp tục lao vào con đường nghiện ma túy; Do vậy Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc và lên một mức án phù với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Văn T và cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về ma túy hiện nay.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và xét hỏi công khai

tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản có giá trị, công việc, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Được niêm phong đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn là các mẫu vật còn lại sau giám định kỹ thuật hình sự. Vật chứng vụ án là ma túy, thuộc loại hàng hoá nhà nước cấm lưu hành; Căn cứ vào Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên bố tịch thu, tiêu hủy.

Tài sản đồ vật thu giữ của bị cáo gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO màu nâu đỏ có số IMEI 1: 860062049614851, IMEI 2: 860062049614844, có số thuê bao kèm theo sim 1: 0347.092.912, sim 2: 0862.180.453. Theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 02/12/2023 đã trả lại cho chị Vi Thị D là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do bị cáo là đối tượng thuộc hộ cận nghèo nên buộc bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lữ Văn T 22(Hai hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 19 tháng 9 năm 2023; Tiếp tục tạm giam bị cáo Lữ Văn T 45(Bốn lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo công tác thi hành án hình sự; Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Lữ Văn T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng vụ án gồm 01 (Một) phong bì mẫu vật do Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Thanh Hoá phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Hữu Đăng, Đồng Hữu Giáp và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá.

Vật chứng vụ án đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 28 tháng 12 năm 2023.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lữ Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên bố bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Hữu Văn